ỦY BAN NHÂN DÂN TÂM VU
TRƯỜNG MẪU GIÁO HIỆP THẠNH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2025 - 2026

TÂY NINH - 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂM VU
TRƯỜNG MẪU GIÁO HIỆP THẠNH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2025 - 2026

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Trần Thị Kim Do	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Phạm Thị Trần Quyên	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng
3	Nguyễn Thị Diễm Thu	TTVP - Kế toán	Thư ký Hội đồng
4	Võ Thị Ngọc Hân	TTCM - Giáo viên	Ủy viên Hội đồng
5	Phan Kim Ngân	TTCM - Giáo viên	Ủy viên Hội đồng
6	Nguyễn Thị Xuân Phương	TPCM - Giáo viên	Ủy viên Hội đồng
7	Phan Nguyễn Hoài Thu	BTĐTN - Giáo viên	Ủy viên Hội đồng
8	Nguyễn Thị Diễm Hương	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng
9	Thân Thị Thanh Thảo	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng
10	Đỗ Thị Phượng	Nhân viên Y tế	Ủy viên Hội đồng

TÂY NINH - 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	3
Danh mục các chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	10
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	10
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ	12
1. Tiêu chí	12
Mở đầu	12
Tiêu chí 1. Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.	12
Tiêu chí 2. Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.	14
Tiêu chí 3. Triển khai dịch vụ trực tuyến	23
Tiêu chí 4. Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số	25
Tiêu chí 5. Hạ tầng thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	27
Phần III: KẾT LUẬN CHUNG	28
Phần IV: PHỤ LỤC	29

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Từ đầy đủ
1	GD&ĐT	Giáo dục &Đào tạo
2	CBGVNV	Cán bộ giáo viên nhân viên
3	CNTT	Công nghệ thông tin
4	BDTX	Bồi dưỡng thường xuyên
5	ƯDCNTT	Ứng dụng công nghệ thông tin
6	CSVC	Cơ sở vật chật
7	NDCSGD	Nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục
8	CMNV	Chuyên môn nghiệp vụ
19	CĐS	Chuyển đổi số
10	PHHS	Phụ huynh học sinh
11	QLCBCCVC	Quản lý cán bộ công chức viên chức
12	PCGDMN	Phổ cập giáo dục mầm non
13	CMHS	Cha mẹ học sinh
14	BDTX	Bồi dưỡng thường xuyên
15	PCGDXMC	Phổ cập giáo dục xóa mù chữ
16	NĐ	Nghị định
17	HĐ	Hội đồng
18	CTHĐ	Chủ tịch hội đồng
19	CSDL	Cơ sở dữ liệu
20	QLGD	Quản lý giáo dục
21	KH	Kế hoạch
22	HĐCSGD	Hoạt động chăm sóc giáo dục
23	KT	Kế toán
24	ĐH	Đại học
25	NVYT	Nhân viên y tế
26	CD	Cấp dưỡng
27	TĐG	Tự đánh giá
28	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
29	KHGD	Kế hoạch giáo dục

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí

Tiêu chí	Kết quả đạt		
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Nhóm tiêu chí			
Tiêu chí 1.			x
Tiêu chí 2.			x
Tiêu chí 3.			x
Tiêu chí 4.			x
Tiêu chí 5.			x

1.2. Kết quả: Đạt mức độ 3

2. Kết luận: Đạt mức độ 3

Phần I

CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: Tây Ninh
Huyện/quận /thị xã / thành phố:
Xã / phường/thị trấn: Tầm Vu
Điện thoại: 02723671429 Fax
Email: c0hiepthanhct.longan@moet.edu.vn Website
Đạt mức độ chuyển đổi số.

1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên

1.1. Số học sinh trong nhà trường

Khối lớp	Số học sinh	Ghi chú
Lá (MG 5-6 tuổi)	56	2 lớp
Chồi (MG 4-5 tuổi)	27	1 lớp
Mầm (MG 3-4 tuổi)	35	2 lớp
Tổng cộng	118	5 lớp

1.2. Số cán bộ, giáo viên, nhân viên

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Trên chuẩn	Đạt chuẩn	Dưới chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	01	00	00	
P. Hiệu trưởng	01	01	0	01	00	00	
Giáo viên	11	11	0	10	01	00	
Nhân viên	05	04	0	01	01	03	01 bảo vệ HĐ theo NĐ 111, 02 cấp dưỡng hợp đồng theo thời vụ
Tổng	18	17	0	13	02	03	

2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ CNTT	Ghi chú

1	Trần Thị Kim Do	Hiệu trưởng	Tin học cơ bản	Chủ tịch HĐ Phụ trách chung
2	Phạm Thị Trần Quyên	Phó hiệu trưởng	Tin học cơ bản	Phó CT HĐ - Phụ trách CNTT về công tác quản trị ứng dụng trong CSNDGD, PCGDXM, KĐCLGD, VnEdu, Nutrikids.
3	Nguyễn Thị Diễm Thu	TTVP - Kế toán	Tin học cơ bản	Thư ký HĐ - Phụ trách CNTT về quản lý tài chính, tài sản, thu không dùng tiền mặt, VnEdu, CSDL, QLCBCC, QLGD, công tác thu chi đảng phí.
4	Võ Thị Ngọc Hân	Tổ trưởng CM - GV	Tin học cơ bản	Ủy viên HĐ - Phụ trách CNTT về lập KH tổ chức các HĐ CSGD trẻ, VnEdu, KĐCLGD
5	Phan Kim Ngân	Tổ trưởng CM - GV	Tin học cơ bản	Ủy viên HĐ - Phụ trách CNTT về lập KH tổ chức các HĐ CSGD trẻ, VnEdu, KĐCLGD
6	Nguyễn Thị Xuân Phương	TPCM - GV	Tin học cơ bản	Ủy viên Hội đồng - Phụ trách CNTT về lập KH tổ chức các HĐ CSGD trẻ, VnEdu, KĐCLGD
7	Phan Nguyễn Hoài Thu	BTĐTN - GV	Tin học cơ bản	Ủy viên HĐ - Phụ trách CNTT về lập KH tổ chức

				các HĐ CSGD trẻ, VnEdu, KĐCLGD
8	Nguyễn Thị Diễm Hương	GV	Tin học cơ bản	Ủy viên HĐ - Phụ trách CNTT về lập KH tổ chức các HĐ CSGD trẻ. KĐCLGD.
9	Thân Thị Thanh Thảo			Ủy viên HĐ - Phụ trách CNTT về lập KH tổ chức các HĐ CSGD trẻ
10	Đỗ Thị Phương	NVYT	Tin học cơ bản	Ủy viên HĐ - Phụ trách CNTT về lập KH tổ chức các HĐ về công tác y tế trường học.

3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

Tổng số phòng học: 06, trong đó có 06 phòng được gắn ti vi và mạng internet kết nối được kết nối đến các phòng học.

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Nhu cầu
1	Máy tính cố định	21	21
2	Máy tính xách tay	02	02
3	Máy chiếu	01	01
4	Máy in	06	06
5	Ti vi	08	08
6	Bàn máy tính	02	02
7	Bàn giáo viên	05	06
8	Ghế giáo viên	06	06
09	Quạt trần	45	45

10	Bảng	6	6
11	Camera giám sát	14	14
12	Hệ thống âm thanh học đường.	01	01

4. Các số liệu khác: Không

Phần II
TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.Tình hình chung của nhà trường

1.1. Thuận lợi

Trường có 01 điểm trường với 06 phòng học kiên cố, 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó hiệu trưởng, 01 phòng y tế, 01 phòng bếp, 01 văn phòng, 01 phòng kho, 01 phòng kế toán, 01 phòng bảo vệ, 01 phòng y tế, 01 phòng nghệ thuật, 01 phòng nhân viên, 01 phòng họp.

Tổng số lớp: 05 lớp với tổng số trẻ 118/49 nữ. Trong đó: 02 Lớp MG 3-4 tuổi: 35/13 nữ; 01 Lớp MG 4-5 tuổi: 27/8 nữ; 02 Lớp 5-6 tuổi: 56/28 nữ.

Tổng số đội ngũ CBGVNV: 18, trong đó có 17 nữ.

Ban giám hiệu: 02, trên chuẩn: 02.

Giáo viên: 11, trên chuẩn: 10, đạt chuẩn 01 (ĐH: 10, CĐ: 01).

Nhân viên: 5 (KT: 01 trình độ ĐH, NVYT: 01 trình độ TC; BV: 01; CD: 02).

Được sự quan tâm của UBND xã Tầm Vu, giúp đỡ của phòng Văn hóa xã hội xã và các cấp lãnh đạo địa phương đã đầu tư kinh phí, bổ sung cơ sở vật chất xây dựng môi trường, trang bị đồ dùng đồ chơi, … phục vụ cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ thuận lợi.

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh và UBND xã Tầm Vu và Phòng Văn hóa và Xã hội xã thường xuyên ban hành các văn bản về thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và thống kê giáo dục cho đội ngũ cán bộ, giáo viên.

Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, nhiệt tình, tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và thống kê giáo dục.

100% các lớp học đều có máy vi tính được kết nối Internet; Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, giáo viên tham gia tập huấn, thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và thống kê giáo dục.

Trẻ nhỏ rất tò mò và dễ bị thu hút bởi những điều mới lạ. Việc ứng dụng các công nghệ hiện đại trực quan giúp quá trình học tập và tiếp thu của trẻ trở nên dễ dàng hơn. Bên cạnh đó, giáo viên cũng có thể thiết lập nên những trò chơi, hoạt động trực quan để giáo dục và tương tác với học sinh tạo nên sự thu hút, hứng thú hơn trong việc đến trường. Những phương tiện này tiếp cận một cách mới mẻ giúp cho việc học tập và rèn luyện kỹ năng cho trẻ em ngày một tốt hơn. Chuyển đổi số tạo nên một môi trường học tập mới thuận tiện và thú vị bởi những thiết bị mới, những phương pháp dạy học mới trong trường học.

1.2. Khó khăn

Cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin chưa đồng bộ; một số thiết bị đã cũ, đường truyền Internet đôi lúc chưa ổn định.

Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của một số cán bộ, giáo viên còn hạn chế; việc khai thác các phần mềm và nền tảng số chưa thật sự hiệu quả.

Giáo viên phải thực hiện nhiều nhiệm vụ chuyên môn nên thời gian dành cho xây dựng học liệu số, cập nhật dữ liệu còn khó khăn.

Một số phụ huynh chưa thành thạo sử dụng các ứng dụng trực tuyến, ảnh hưởng đến việc phối hợp với nhà trường.

2. Mục đích tự đánh giá

Xác định mức độ thực hiện chuyển đổi số của nhà trường theo các tiêu chí, chỉ số quy định.

Đánh giá đúng thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Phát hiện những điểm mạnh, hạn chế và nguyên nhân để có biện pháp khắc phục, cải tiến phù hợp.

Làm căn cứ xây dựng kế hoạch chuyển đổi số, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ CBGVNV trong đơn vị.

Nâng cao hiệu quả quản lý, chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non trong tình hình mới hiện nay.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

3.1. Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện

Năm học 2025 - 2026, nhà trường xác định tập trung đầu tư, tạo điều kiện cho: Chuyển đổi số - Đội ngũ giáo viên - Hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ để cùng toàn ngành phát triển và hội nhập. Với một trong ba nội dung, lĩnh vực Chuyển đổi số tiếp tục được đặt lên hàng đầu. Nối tiếp những thành tựu đã đạt được, nhiều mô hình giáo dục thông minh đang được phát triển trên nền tảng ứng dụng CNTT.

Nhà trường tiến hành quán triệt và triển khai đầy đủ, kịp thời đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường các văn bản chỉ đạo các cấp về ứng dụng CNTT, CĐS thông qua các cuộc họp HĐSP, qua các trang thông tin nội bộ, qua mail, trang chính quyền điện tử. Các nội dung, các văn bản thực hiện công tác tự đánh giá mức độ chuyển đổi số đã được nhà trường cụ thể hóa:

- Xây dựng Kế hoạch số 109/KH-MGHT ngày 19/9/2025 của Trường Mẫu giáo Hiệp Thạnh về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 - 2026;
- Kế hoạch số 161/KH-MGHT ngày 17/11/2025 của Trường Mẫu giáo Hiệp Thạnh về kế hoạch ứng dụng CNTT, CĐS và thống kê giáo dục năm học 2025 - 2026.
- Quyết định số 21/QĐ-MGHT ngày 13/4/2026 của Trường Mẫu giáo Hiệp Thạnh về việc thành Hội đồng tự đánh giá mức độ chuyển đổi số Trường Mẫu giáo Hiệp Thạnh năm học 2025 - 2026 (kèm theo danh sách Hội đồng tự đánh giá chuyển đổi số và phân công nhiệm vụ cụ thể hội đồng tự đánh iá chuyển đổi số).
- Ban hành Quy chế số 46/QC- MGHT ngày 09/6/2026 về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng CNTT, CĐS trong quản trị nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ.
- Quyết định số 105a/QĐ-MGHT ngày 05/9/2025 của Trường Mẫu giáo Hiệp Thạnh phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên năn học 2025-2026.

3.2. Công tác tự đánh giá của các thành viên trong đơn vị

Ban hành Quyết định số 21/QĐ-MGHT ngày 13/4/2026 của Trường Mẫu giáo Hiệp Thạnh về việc thành Hội đồng tự đánh giá mức độ chuyển đổi số Trường Mẫu

giáo Hiệp Thạnh năm học 2025 - 2026 (kèm theo danh sách Hội đồng tự đánh giá chuyển đổi số và phân công nhiệm vụ cụ thể hội đồng tự đánh giá chuyển đổi số).

Xây dựng kế hoạch tự đánh giá số 22/KH-MGHT, ngày 14/4/2026 của trường Mẫu giáo Hiệp Thạnh năm học 2025-2026.

Báo cáo số 15/KH-MGHT ngày 18/3/2026 về báo cáo kết quả UDCNTT, chuyển đổi số, thống kê trong giáo dục.

Hội đồng tiến hành tự đánh giá dựa trên các hồ sơ, minh chứng cụ thể theo Quyết định 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 và ghi chép biên bản đầy đủ, đúng quy định.

Hoàn thiện báo cáo công tác triển khai việc đánh giá mức độ chuyển đổi số.

Ra quyết định phê duyệt kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số.

Việc lưu hồ sơ, minh chứng được sắp xếp đóng quyển thành 2 bộ: 01 bộ lưu tại nhà trường và 01 bộ báo cáo Phòng Văn hóa xã hội xã Tầm Vu.

3.3. Những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Trong thời gian qua, Trường Mẫu giáo Hiệp Thạnh cũng đã từng bước tuyên truyền nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, quản lý, giáo viên và phụ huynh học sinh về chuyển đổi số. Nhà trường đã trang bị 06 phòng học kết nối internet, sử dụng đường truyền internet tốc độ cao để phủ sóng wifi trong toàn trường tạo điều kiện thuận lợi để ứng dụng CNTT trong dạy và học; sử dụng các phần mềm trong quản lý, trong công tác kế toán tài chính, quản lý CSVC, trong chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục, PCGD cho trẻ em 5 tuổi, quản lý nhân sự, quản lý trẻ, thu không dùng tiền mặt; nhà trường đã tập huấn cho CBGVNV phụ trách CNTT, GV thực hiện sử dụng thành thạo các phần mềm, … Tuy nhiên, nhìn chung vẫn còn một số GV hạn chế kỹ năng công nghệ thông tin, chưa thành thạo sử dụng nhiều phần mềm mới để hỗ trợ trong dạy, học và kiểm tra đánh giá; cơ sở dữ liệu của nhà trường còn quản lý trên nhiều hệ thống, chưa có một phần mềm chung để quản lý toàn bộ quy trình, hoạt động của nhà trường.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

1. Nhóm tiêu chí Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CĐS) nhằm nâng cao chất lượng trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và quản trị cơ sở giáo dục mầm non

Mở đầu

Nhóm Tiêu chí về Ban hành kế hoạch CNTT và CĐS nhằm phân tích, đánh giá nâng cao chất lượng của việc triển khai thực hiện ứng dụng CNTT và CĐS trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và quản trị trong nhà trường. Nhà trường thực hiện tốt việc ban hành các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CNTT và CĐS theo quy định và hướng dẫn của ngành.

Tiêu chí 1: Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT và CĐS

a) Mô tả hiện trạng

Năm học 2025 - 2026, nhà trường xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 – 2026 [1.1].

Xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ công thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025 – 2026 [1.2].

Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá mức độ chuyển đổi số Trường Mẫu giáo Hiệp Thạnh năm học 2025 – 2026 [1.3].

Báo cáo kết quả UDCNTT, chuyển đổi số, thống kê trong giáo dục [1.4]. Đã thực hiện kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CĐS và thống kê giáo dục năm học 2025 - 2026. Tuy nhiên, công tác phối hợp với PHHS trong việc xây dựng các video, hình ảnh minh họa về các hoạt động NDCSGD trẻ tại nhà và tại lớp của một vài giáo viên đôi lúc chưa thường xuyên.

b) Điểm mạnh

BGH nhà trường luôn chú trọng công tác Chuyển đổi số trong nhà trường, triển khai kịp thời bằng hệ thống kế hoạch, hướng dẫn đúng theo hướng dẫn của ngành, phù hợp với điều kiện của đơn vị; luôn huy động tối đa tất cả nguồn lực về CSVC và nhân lực để đảm bảo chất lượng công tác chuyển đổi số của đơn vị.

Nhà trường đã xây dựng các Kế hoạch thực hiện CNTT và CĐS. Thực hiện kế hoạch với nội dung thiết thực phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế của nhà trường. 100% CBGVNV trong hội đồng tự đánh giá nắm vững các yêu cầu của bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục mầm non. 100% CBGVNV nhà trường được triển khai nắm bắt đầy đủ các kế hoạch về công tác CNTT, CĐS trong NDCSGD trẻ.

Nhà trường có hợp đồng với nhà mạng VNPT để triển khai kết nối mạng đến từng phòng học và phòng làm việc, đảm bảo thuận lợi cho quá trình làm việc và dạy học trực tuyến; đảm bảo cho các phòng làm việc, các lớp học của nhà trường được trang bị máy tính, ti vi có kết nối mạng để phục vụ việc ứng dụng CNTT trong quản lý, trong bồi dưỡng CMNV, trong dạy và học. Thành lập tổ công tác phụ trách nhiệm vụ CNTT và chuyển đổi số của đơn vị, nòng cốt là các giáo viên có am hiểu về kiến thức, kỹ năng CNTT, có tinh thần trách nhiệm cao trong thực thi nhiệm vụ.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có kiến thức khá đồng đều về CNTT và luôn đề cao, chú trọng công tác chuyển đổi số. Nhiều đồng chí tích cực tự đầu tư để tự học, tự bồi dưỡng nâng cáo về kỹ năng CNTT, kiến thức chuyển đổi số, tích cực tìm tòi các ứng dụng CNTT phù hợp với công tác dạy học, đầu tư thiết bị đồ dùng tiên tiến để thực hiện tốt nhiệm vụ UDCNTT, chuyển đổi số.

c) Điểm yếu

Đã thực hiện kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CĐS và thống kê giáo dục năm học 2025 - 2026. Tuy nhiên, công tác phối hợp với PHHS trong việc xây dựng các video, hình ảnh minh họa về các hoạt động NDCSGD trẻ tại nhà và tại lớp của một vài giáo viên đôi lúc chưa thường xuyên.

d) Kế hoạch cải tiến

Nhà trường tiếp tục triển khai, kiểm tra, đánh giá việc ứng dụng CNTT trong công tác thực hiện tổ chức các hoạt động NDCSGD trẻ, phối hợp với PHHS phù hợp với thực tế tình hình, điều kiện thực tế của lớp và đơn vị.

Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn giáo viên tiếp tục thực hiện tốt phần mềm lập Kế hoạch NDCSGD theo quy định.

Quan tâm hơn nữa công tác bồi dưỡng đội ngũ về CNTT và chuyển đổi số.

đ) Tự đánh giá: Đạt mức độ 3.

Kết luận về nhóm Tiêu chí 1: Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT và CĐS

Điểm mạnh

BGH nhà trường luôn chú trọng thực hiện tốt công tác CNTT và CĐS trong nhà trường, triển khai kịp thời bằng hệ thống kế hoạch, hướng dẫn đúng theo hướng dẫn của ngành, phù hợp với điều kiện của đơn vị; luôn huy động tối đa tất cả nguồn lực về CSVC và nhân lực để đảm bảo chất lượng công tác chuyển đổi số của đơn vị.

Nhà trường đã xây dựng các Kế hoạch thực hiện CNTT và CĐS. Thực hiện kế hoạch với nội dung thiết thực phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế của nhà trường. 100% CBGVNV trong hội đồng tự đánh giá nắm vững các yêu cầu của bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục mầm non. 100% CBGVNV nhà trường được triển khai nắm bắt đầy đủ các kế hoạch về công tác CNTT, CĐS trong CSNDGD.

Điểm yếu

Công tác phối hợp với PHHS trong việc xây dựng các video, hình ảnh minh họa về các hoạt động NDCSGD trẻ tại nhà và tại lớp của một vài giáo viên đôi lúc chưa thường xuyên.

*** Đánh giá Nhóm Tiêu chí 1:** Đạt mức độ 3

2. Nhóm tiêu chí 2: Triển khai ứng dụng quản trị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu

Nhà trường thực hiện triển khai đầy đủ các ứng dụng quản trị nhằm để thực hiện tốt công tác CNTT và CĐS trong nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ. Ban hành Quy chế số 46/QC- MGHT ngày 09/6/2026 về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng CNTT, CĐS trong quản trị nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ.

Tiêu chí 2.1. Quản lý thông tin trẻ em

a) Mô tả hiện trạng

Trường có triển khai và đáp ứng tốt về thông tin trẻ em của ngành giáo dục mầm non trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành https://csdl.moet.gov.vn/. Có triển khai thực hiện phần mềm Quản lý thông tin trẻ em cho CBGVNV: VnEdu.vn. [2.1]. Phần mềm sử dụng khi vào thời điểm cao điểm hay bị lỗi mạng, nên việc cập nhật đôi lúc phải làm đi làm lại nhiều lần.

b) Điểm mạnh

Tại thời điểm tự đánh giá, nhà trường đã triển khai thực hiện hệ thống phần mềm Quản lý thông tin trẻ em áp dụng cho toàn trường, các chức năng tương đối đầy đủ. Dữ liệu sử dụng đối với đơn vị ở mức tốt. Xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học, rõ ràng, bám sát kế hoạch và các văn bản chỉ đạo của các cấp lãnh đạo, phát huy có hiệu quả khi triển khai thực hiện.

Phần mềm đáp ứng tốt các yêu cầu về quản lý thông tin trẻ em của Ngành giáo dục mầm non. Số liệu cung cấp phục vụ quản lý, báo cáo cấp trên chính xác.

c) Điểm yếu

Phần mềm sử dụng khi vào thời điểm cao điểm hay bị lỗi mạng, nên việc cập nhật đôi lúc phải làm đi làm lại nhiều lần.

d) Kế hoạch cải tiến

Đầu tư đường truyền Internet tốc độ cao cho các lớp nhất là bộ phận chuyên môn và khu hành chính.

đ) Tự đánh giá: Đạt mức độ 3.

Tiêu chí 2.2. Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em

a) Mô tả hiện trạng

Năm học 2025 - 2026, trường có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em quản lý sức khỏe trẻ em trên Cơ sở dữ liệu ngành: https://truong.csdl.moet.gov.vn/Login.aspx?dv=MN (Miễn phí). Một năm trẻ được khám sức khỏe 2 lần, cân đo 3 lần/năm. Kết quả cân đo, khám sức khỏe của trẻ được cập nhật trên phần mềm của nhà trường [2.2]. Một số ít giáo viên thời gian đầu năm học việc cập nhật chấm Biểu đồ tăng trưởng đôi lúc còn sai sót do do chưa có kỹ năng CNTT, do làm quên ghi cập nhật.

b) Điểm mạnh

Tại thời điểm tự đánh giá, nhà trường đã triển khai thực hiện hệ thống phần mềm Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em áp dụng cho toàn trường, các chức năng hoạt động tương đối đầy đủ. Hệ thống cập nhật dữ liệu trên phần mềm Theo dõi sức khỏe trẻ em đảm bảo theo Thông tư 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016. Dữ liệu sử dụng đối với đơn vị ở mức khá tốt.

Phần mềm, ứng dụng Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em đáp ứng tốt các yêu cầu về quản lý thông tin trẻ em của Ngành giáo dục mầm non. Số liệu cung cấp phục vụ cho công tác quản lý theo dõi sức khỏe trẻ, báo cáo cấp trên chính xác, tiện lợi.

c) Điểm yếu

Một số ít giáo viên thời gian đầu năm học việc cập nhật chấm Biểu đồ tăng trưởng đôi lúc còn sai sót do do chưa có kỹ năng CNTT, do làm quên ghi cập nhật.

d) Kế hoạch cải tiến

Tiếp tục tăng cường công tác bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong CNTT và CĐS cho tất cả giáo viên.

đ) Tự đánh giá: Đạt mức độ 3.

Tiêu chí 2.3. Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Mô tả hiện trạng

Trường có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trên phần mềm: https://qlcbccvc.tayninh.gov.vn/web/login (Miễn phí)[2.3]

Năm học 2025-2026 Trường Mẫu giáo Hiệp Thạnh phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên theo Quyết định số 105a/QĐ-MGHT ngày 05/9/2025 [2.4]. Cuối năm nhà trường tổ chức đánh giá chuẩn nghề nghiệp, đánh giá viên chức [2.5]. Phần mềm phải được kiểm tra theo dõi cập nhật thường xuyên. Nhưng có thời điểm cao điểm phần mềm QLCBCCVC không vào được.

b) Điểm mạnh

Tại thời điểm tự đánh giá, nhà trường đã triển khai thực hiện hệ thống phần mềm Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên áp dụng cho toàn trường, các chức năng hoạt động đầy đủ. Hệ thống cập nhật dữ liệu trên phần mềm sử dụng tại đơn vị ở mức khá tốt.

Công tác triển khai thực hiện diễn ra thường xuyên trong triển khai trực tuyến, trực tiếp lồng ghép các phiên họp hội đồng trường, trên trang hội nhóm zalo nội bộ của đơn vị.

Phần mềm, ứng dụng Quản lý thông tin quản lý cán bộ công chức viên chức đáp ứng tốt các yêu cầu về quản lý thông tin CBGVNV của Ngành giáo dục mầm non. Số liệu cung cấp phục vụ cho công tác quản lý theo dõi sức khỏe trẻ, báo cáo cấp trên chính xác, tiện lợi.

c) Điểm yếu

Phần mềm phải được kiểm tra theo dõi cập nhật thường xuyên. Nhưng có thời điểm cao điểm phần mềm QLCBCCVC không vào được.

d) Kế hoạch cải tiến

Tiếp tục tăng cường kiểm tra nhắc nhở CBGVNV thực hiện cập nhật thường xuyên phần mềm QLCBCCVC.

Đ) Tự đánh giá: Đạt mức độ 3.

Tiêu chí 2.4. Quản lý thông tin y tế trường học

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin y tế trường học thực hiện công tác quản lý thông tin y tế trường học theo đường link: https://truong.csdl.moet.gov.vn/Login.aspx?dv=MN (Miễn phí). Trong năm học 2025-2026 khám sức khỏe trẻ 2 lần, cân đo trẻ theo quý [2.2].

Thực hiện kế hoạch phòng chống dịch bệnh, báo cáo đánh giá công tác y tế trường học trong năm theo quy định [2.6]. Phần mềm cơ sở dữ liệu được thực hiện trực tiếp bởi giáo viên nên chưa có kinh nghiệm, đôi lúc còn lúng túng.

b) Điểm mạnh

Tại thời điểm tự đánh giá, nhà trường đã triển khai thực hiện hệ thống phần mềm quản lý thông tin y tế trường hoc tại đơn vị. Công tác triển khai thực hiện đồng bộ, các chức năng hoạt động đầy đủ. Hệ thống cập nhật dữ liệu trên phần mềm sử dụng tại đơn vị ở mức khá tốt.

Công tác kiểm tra thực hiện diễn ra thường xuyên, kịp thời điều chỉnh, khắc phục sai sót để thực hiện tốt.

Phần mềm, ứng dụng quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em đáp ứng tốt các yêu cầu về quản lý thông tin trẻ em của Ngành giáo dục mầm non. Số liệu cung cấp phục vụ cho công tác quản lý theo dõi sức khỏe trẻ, báo cáo cấp trên chính xác, tiện lợi.

c) Điểm yếu

Phần mềm cơ sở dữ liệu được thực hiện trực tiếp bởi giáo viên nên chưa có kinh nghiệm, đôi lúc còn lúng túng.

d) Kế hoạch cải tiến

Tiếp tục tăng cường kiểm tra nhắc nhở, bồi dưỡng năng lực CNTT, kỹ năng cho giáo viên.

đ) Tự đánh giá: Đạt mức độ 3.

Tiêu chí 2.5. Quản lý thông tin phổ cập giáo dục

a) Mô tả hiện trạng

Trong năm học 2025-2026 trường thực hiện công tác quản lý thông tin phổ cập giáo dục theo đường link: https://elibot.esoft.edu.vn/ [2.7]. Đường truyền Internet vào thời điểm cao điểm đôi lúc thực hiện chưa được tốt, còn chậm.

b) Điểm mạnh

Tại thời điểm tự đánh giá, nhà trường đã triển khai thực hiện hệ thống phần mềm Quản lý thông tin phổ cập giáo dục tại đơn vị. Công tác triển khai thực hiện đồng bộ, các chức năng được sử dụng triệt để và có hiệu quả. Hệ thống cập nhật dữ liệu trên phần mềm sử dụng tại đơn vị được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời.

Công tác kiểm tra được diễn ra thường xuyên, kịp thời điều chỉnh, khắc phục sai sót để thực hiện tốt.

Phần mềm, ứng dụng Quản lý thông tin phổ cập giáo dục đáp ứng tốt các yêu cầu về quản lý thông tin trẻ em của Ngành giáo dục mầm non. Số liệu cung cấp phục vụ cho công tác quản lý PCGDMN, báo cáo cấp trên chính xác, tiện lợi.

c) Điểm yếu

Đường truyền Internet vào thời điểm cao điểm đôi lúc thực hiện chưa được tốt, còn chậm.

d) Kế hoạch cải tiến

Đầu tư mạng internet cho khối hành chính đảm bảo đường truyền mạnh và liên tục.

đ) Tự đánh giá: Đạt mức độ 3.

Tiêu chí 2.6. Quản lý thông tin tài sản, tài chính

a) Mô tả hiện trạng

Trường có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin tài sản, tài chính thực hiện công tác quản lý Quản lý thông tin tài sản, tài chính theo đường link: http://mimosapp.misa.vn/ phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp (Mua phí); https://qltsapp.misa.vn/login phần mềm misa quản lý tài sản [2.8] thực hiện mua phí [2.9]. Thao tác nộp báo cáo tài chính trên phần mềm kho bạc [2.10]. Đường truyền Internet vào thời vụ cao điểm đôi lúc thực hiện chưa được tốt, còn chậm.

b) Điểm mạnh

Tại thời điểm tự đánh giá, nhà trường đã thực hiện tốt việc triển khai thực hiện hệ thống phần mềm Quản lý thông tin tài sản, tài chính. Công tác triển khai thực hiện đồng bộ, các chức năng của phần mềm được sử dụng triệt để và có hiệu quả. Hệ thống cập nhật dữ liệu trên phần mềm sử dụng tại đơn vị được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời.

Công tác kiểm tra được diễn ra thường xuyên, kịp thời điều chỉnh, khắc phục sai sót để thực hiện tốt.

Phần mềm, ứng dụng Quản lý thông tin tài sản, tài chính đáp ứng tốt các yêu cầu về quản lý thông tin tài sản, tài chính tại đơn vị sự nghiệp công lập. Số liệu cung cấp phục vụ cho công tác quản lý, báo cáo cấp trên chính xác, tiện lợi.

c) Điểm yếu

Đường truyền Internet vào thời vụ cao điểm đôi lúc thực hiện chưa được tốt, còn chậm.

d) Kế hoạch cải tiến

Đầu tư mạng internet cho khối hành chính đảm bảo đường truyền mạnh và liên tục.

đ) Tự đánh giá: Đạt mức độ 3.

Tiêu chí 2.7. Quản lý văn bản điện tử

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường có triển khai và đáp ứng các yêu cầu quản lý văn bản điện tử (Egov), thực hiện ký số các văn bản: Kho bạc nhà nước https://dvc.vst.mof.gov.vn; bảo hiêm xã hội http://baohiemxahoi.gov.vn; quản lý thư điện tử qua gmail trường: c0hiepthanhct.longan@moet.edu.vn [2.11]. Việc sắp xếp công văn đi, đến còn chưa khoa học.

b) Điểm mạnh

Tại thời điểm tự đánh giá, nhà trường đã thực hiện tốt việc triển khai thực hiện hệ thống phần mềm ứng dụng về Quản lý văn bản điện tử. Công tác triển khai thực hiện đồng bộ, các chức năng của phần mềm được sử dụng triệt để và có hiệu quả. Hệ thống cập nhật dữ liệu trên phần mềm sử dụng tại đơn vị được truy cập đầy đủ, chính xác, kịp thời.

c) Điểm yếu

Việc sắp xếp công văn đi, đến còn chưa khoa học.

d) Kế hoạch cải tiến

Hướng dẫn cho kế toán phụ trách công tác văn thư theo dõi và cập nhật sổ công văn đi đến rõ ràng và sắp xếp theo thứ tự, khoa học.

đ) Tự đánh giá: Đạt mức độ 3.

Tiêu chí 2.8. Tiện ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hằng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường có thực hiện đưa thực đơn vào kế hoạch giáo dục tuần [2.12], có triển khai đến cha mẹ trẻ thường xuyên và đáp ứng yêu cầu theo quy định [2.13].

Nhà trường thực hiện công tác tính khẩu phần ăn trên phần mềm https://nutrikids.com.vn/login (Mua phí) [2.14]. Công tác nuôi dưỡng đảm bảo khẩu phần theo thực đơn hằng ngày cho trẻ tại trường [2.15]. Đạt nhu cầu về năng lượng, cân đối các chất dinh dưỡng sinh năng lượng lưu trữ trên hệ thống phân mêm Nutrikids [2.16]. Trong năm học 2025 - 2026, việc tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng có đôi lúc chưa cân đối định lượng Kcalo tuyệt đối theo quy định.

b) Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt việc triển khai thực hiện hệ thống phần mềm ứng dụng về tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hằng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ. Công tác triển khai thực hiện đồng bộ, các chức năng của phần mềm được sử dụng triệt để và có hiệu quả. Hệ thống cập nhật dữ liệu trên phần mềm sử dụng tại đơn vị được truy cập đầy đủ, chính xác, kịp thời.

c) Điểm yếu

Trong năm học 2025 - 2026, việc tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng có đôi lúc chưa cân đối định lượng Kcalo tuyệt đối theo quy định.

d) Kế hoạch cải tiến

Những năm tiếp theo tiếp tục triển khai và thực hiện tốt phần mềm Nutrikids và tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hằng ngày đảm bảo 100% các bữa ăn của trẻ mẫu giáo theo chế độ dinh dưỡng, định lượng kcal quy định và phù hợp với sự phát triển của trẻ.

đ) Tự đánh giá: Đạt mức độ 3.

Tiêu chí 2.9. Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường triển khai Giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục, thiết kế bài giảng giáo án điện tử qua ứng dụng Powerpoint, phần mềm chỉnh sửa video Capcut, Kahoot, Quizizz, … [2.17]. Thực hiện phần mềm lập Kế hoạch CSNDGD Edubot đến từng giáo viên. Có kế hoạch thực hiện Chương trình GDMN theo từng độ tuổi và kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo năm học, chủ đề, tuần, ngày (thực hiện và lưu trữ trên phần mềm hệ thống quản trị nhà trường). Giáo viên hàng ngày soạn giảng, tổ chức các hoạt động giáo dục và đánh giá kết quả. Ngoài ra nhà trường còn xây dựng một số kế hoạch sau: Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [1.1].; Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; Kế hoạch giáo dục năm/tháng/tuần/ngày lưu trữ phần mềm [2.18]. Việc tổ chức các hoạt động giáo dục đôi lúc chưa đáp ứng tốt về ƯDCNTT, một vài giáo viên còn lúng túng khi thực hiện phần mềm lập Kế hoạch NDCSGD để soạn giảng và đánh giá trẻ.

b) Điểm mạnh

Năm học 2025 - 2026, tất cả 5/5 lớp tại trường thực hiện tốt việc tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ áp dụng CNTT. 11/11 giáo viên thực hiện tốt phần mềm lập Kế hoạch CSNDGD để soạn giảng và đánh giá trẻ, lưu trữ hồ sơ.

Các chức năng của phần mềm https://edubot.xbot.com.vn được sử dụng triệt để và có hiệu quả. Hệ thống cập nhật dữ liệu trên phần mềm sử dụng tại đơn vị được truy cập đầy đủ, chính xác, kịp thời.

c) Điểm yếu

Việc tổ chức các hoạt động giáo dục đôi lúc chưa đáp ứng tốt về ƯDCNTT, một vài giáo viên còn lúng túng khi thực hiện phần mềm lập Kế hoạch NDCSGD để soạn giảng và đánh giá trẻ.

d) Kế hoạch cải tiến

Tổ chuyên môn tăng cường công tác tập huấn, hướng dẫn, phát huy vai trò của Tổ trưởng chuyên môn trong việc hỗ trợ giáo viên để thực hiện tốt hơn việc ƯDCNTT trong tổ chức hoạt động giáo dục trẻ cũng như khi thực hiện phần mềm lập Kế hoạch CSNDGD để soạn giảng và đánh giá trẻ.

đ) Tự đánh giá: Đạt mức độ 3.

Tiêu chí 2.10. Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường

a) Mô tả hiện trạng

Trường, các lớp sẽ tổ chức họp PHHS vào đầu năm học, bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, của trường [2.19]. Ban đại diện CMHS xây dựng kế hoạch theo quy định [2.20], quy chế hoạt động thể hiện rõ chức năng phối hợp, tham gia ý kiến

góp ý, chất vấn vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của lớp, nhà trường [2.21].

Nhà trường có kế hoạch tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phối hợp, thu hút sự tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoat động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được đăng tải lên Zalo của lớp/trường [2.22]. Một số cha mẹ trẻ chưa nhanh nhẹn trong việc tiếp cận CNTT trong việc đóng tiền không dùng tiền mặt.

b) Điểm mạnh

Năm học 2025 - 2026, Ban Đại diện CMHS của trường, lớp thực hiện tốt chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường. Cha mẹ trẻ tham gia đầy đủ các buổi họp CMHS, hỗ trợ các hội thi, hoạt động trải nghiệm cùng cô và trẻ.

c) Điểm yếu

Một số cha mẹ trẻ chưa nhanh nhẹn trong việc tiếp cận CNTT trong việc đóng tiền không dùng tiền mặt.

d) Kế hoạch cải tiến

Nhà trường, giáo viên tăng cường hỗ trợ cha mẹ trẻ thực hiện tốt công tác phối hợp báo cáo số liệu, thu không dùng tiền mặt trên phần mềm điện tử.

Bồi dưỡng kỹ năng sử dụng các phần mềm trong công tác thu không dùng tiền mặt, quản lý thông tin trẻ cho đội ngũ CBGVNV.

đ) Tự đánh giá: Đạt mức độ 3.

Tiêu chí 2.11. Chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường tổ chức tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ qua góc y tế, tuyên truyền ở các lớp [2.23]. Xây dựng các video hình ảnh sử dụng các phần mềm Capcut để chỉnh sửa Video nhằm tuyên truyền trực quan tại các buổi họp cha mẹ trẻ, gởi video về cho cha mẹ trẻ giáo dục trẻ [2.24]. Ngoài ra, nhà trường còn xây dựng kế hoạch tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi con theo khoa học [2.25]. Tuy nhiên một số cha mẹ trẻ chưa nhanh nhẹn trong việc tiếp cận CNTT nên hiệu quả công tác tuyên truyền còn hạn chế.

b) Điểm mạnh

Năm học 2025 - 2026, nhà trường, giáo viên các lớp thực hiện tốt việc tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ và cộng đồng trên các nền tảng số phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị.

c) Điểm yếu

Một số cha mẹ trẻ chưa nhanh nhẹn trong việc tiếp cận CNTT nên hiệu quả công tác tuyên truyền còn hạn chế.

d) Kế hoạch cải tiến

Nhà trường, giáo viên tăng cường tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng dưới nhiều hình thức khác phù hợp với điều kiện thực tế từng điểm trường.

đ) Tự đánh giá: Đạt mức độ 3.

Tiêu chí 2.12. Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (do Bộ GDĐT quản lý)

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường triển khai thực hiện phần mềm dữ liệu cơ sở dữ liệu của ngành Giáo dục (do Bộ GDĐT quản lý) [2.26]. Thực hiện cập nhật đầy đủ, chính xác các thông tin theo qui định; xuất báo cáo vào các kỳ đầu năm, giữa năm và cuối năm học theo đúng qui định của ngành giáo dục. Thực hiện phần mềm cơ sở dữ liệu ngành https://csdl.moet.gov.vn/ [2.27]. Phần mềm sử dụng khi vào thời điểm cao điểm hay bị nghẽn mạng, nên việc cập nhật đôi lúc phải làm đi làm lại nhiều lần.

b) Điểm mạnh

Tại thời điểm tự đánh giá, nhà trường đã triển khai thực hiện hệ thống phần mềm Cơ sở dữ liệu áp dụng cho toàn trường, các chức năng tương đối đầy đủ. Dữ liệu sử dụng đối với đơn vị ở mức tốt. Xây dựng được kế hoạch hoạt động khoa học, rõ ràng, bám sát kế hoạch và các văn bản chỉ đạo của các cấp lãnh đạo, phát huy có hiệu quả khi triển khai thực hiện. Phân công nhân viên phụ trách CNTT và CĐS chịu trách nhiệm thực hiện phần mềm.

Phần mềm đáp ứng tốt các yêu cầu về quản lý thông tin trẻ em, đội ngũ, CSVC, chế độ, ... của Ngành giáo dục mầm non. Số liệu cung cấp phục vụ quản lý, báo cáo cấp trên chính xác.

c) Điểm yếu

Phần mềm sử dụng khi vào thời điểm cao điểm hay bị nghẽn mạng, nên việc cập nhật đôi lúc phải làm đi làm lại nhiều lần.

d) Kế hoạch cải tiến

Đầu tư đường truyền Internet tốc độ cao cho các bộ phận chuyên môn và khu hành chính.

đ) Tự đánh giá: Đạt mức độ 3.

Tiêu chí 2.13. Ban hành, quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành Quy chế số 46/QC- MGHT ngày 09/6/2026 về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng CNTT, CĐS trong quản trị nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ về sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin, CĐS trong quản trị nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ năm học 2025 – 2026 để triển khai về các quy định, phân công nhiệm vụ, kiểm tra đánh giá của các thành viên trong đơn vị nhà trường [2.28]. Tuy nhiên việc đăng tải các thông tin tuyên truyền trên trang web cha mẹ trẻ chưa tương tác nhiều

b) Điểm mạnh

Tại thời điểm tự đánh giá, nhà trường đã Ban hành các quy chế quản lý, vận hành, khai thác nhằm để sử dụng thực hiện tốt các ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại đơn vị. Quy chế xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, đơn vị.

c) Điểm yếu

Việc đăng tải các thông tin tuyên truyền trên trang web cha mẹ trẻ chưa tương tác nhiều.

d) Kế hoạch cải tiến

Những năm tiếp theo, trường tiếp tục căn cứ các văn bản hướng dẫn của ngành để xây dựng các quy chế thực hiện CNTT, CĐS; làm tốt hơn nữa trong quản lý, vận hành, khai thác nhằm để sử dụng thực hiện tốt các ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại đơn vị. Tuyên truyền cho PH tương tác nhiều hơn trên trang web của trường trong các buổi họp PHHS.

đ) Tự đánh giá: Đạt mức độ 3.

Kết luận về nhóm Tiêu chí 2: Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Điểm mạnh

BGH nhà trường luôn chú trọng thực hiện tốt công tác CNTT và CĐS trong nhà trường, triển khai kịp thời bằng hệ thống kế hoạch, hướng dẫn đúng theo hướng dẫn của ngành, phù hợp với điều kiện của đơn vị; luôn huy động tối đa tất cả nguồn lực về CSVC và nhân lực để đảm bảo chất lượng công tác chuyển đổi số của đơn vị.

Nhà trường có hợp đồng với nhà mạng VNPT để triển khai kết nối mạng đến từng phòng học và phòng làm việc, đảm bảo thuận lợi cho quá trình làm việc và dạy học ƯDCNTT; đảm bảo cho các phòng chức năng, hành chính, phòng họp được trang bị máy tính, màn hình tương tác có kết nối mạng để phục vụ việc dạy và học, họp trực tuyến, tuyên truyền, bồi dưỡng CMNV, cho trẻ thực hành trải nghiệm hoạt động CNTT trong các hoạt động học, vui chơi phù hợp. Thành lập bộ phận phụ trách công tác chuyển đổi số của đơn vị, lòng cốt là các đồng chí có chiều sâu về kiến thức, kỹ năng CNTT.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có kiến thức khá đồng đều về CNTT và luôn đề cao, chú trọng công tác chuyển đổi số. Nhiều đồng chí tích cực đầu tư để tự học, tự bồi dưỡng nâng cáo về kỹ năng CNTT, kiến thức chuyển đổi số, tích cực tìm tòi các ứng dụng phù hợp với công tác dạy học, đầu tư thiết bị tiên tiến để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, trong đó có công tác chuyển đổi số.

Nhà trường đã thực hiện triển khai và thực hiện tốt tất cả các ứng dụng phần mềm, hệ thống CNTT trong công tác quản lý, trong nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả tốt. Các phần mềm áp dụng tại đơn vị được vận hành tốt và mang lại hiệu quả cao.

Điểm yếu

Các phần mềm sử dụng chung của ngành khi vào thời điểm cao điểm hay bị nghẽn mạng, bị kết nối chậm nên việc cập nhật đôi lúc phải làm đi làm lại nhiều lần.

Hệ thống mạng Internet, hạ tầng CNTT đôi lúc chưa đáp ứng tốt cho việc thực hiện công tác tổ chức hoạt động học.

Việc đăng tải các thông tin tuyên truyền trên trang web cha mẹ trẻ chưa tương tác nhiều.

*** Tổng điểm Nhóm Tiêu chí 2:** Đạt mức độ 3.

3. Nhóm tiêu chí 3: Triển khai dịch vụ trực tuyến

Mở đầu

Trong những năm qua, Trường Mẫu giáo Hiệp Thạnh luôn quan tâm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Nhà trường tích cực triển khai các dịch vụ trực tuyến theo yêu cầu của ngành Giáo dục và cơ quan quản lý cấp trên nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh trong quá trình tiếp cận các dịch vụ giáo dục.

Tiêu chí 3.1. Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến

a) Mô tả hiện trạng

Trường Mẫu giáo Hiệp Thạnh thực hiện tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến theo đúng hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên. Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh nhằm xác định rõ đối tượng, thời gian, hình thức và chỉ tiêu tuyển sinh [3.1]. Nhà trường ban hành thông báo tuyển sinh và công khai đến phụ huynh học sinh trên địa bàn [3.2]. Thông báo tuyển sinh được đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường [3.3] và trên fanpage của nhà trường [3.4]. Đồng thời, nhà trường hướng dẫn phụ huynh đăng ký tuyển sinh, cung cấp thông tin trẻ và các hồ sơ cần thiết thông qua các nền tảng trực tuyến theo quy định [3.5]. Nhà trường đã triển khai dịch vụ tuyển sinh trực tuyến và đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên. Một số phụ huynh còn hạn chế kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nên đôi khi cần được hỗ trợ trong quá trình đăng ký tuyển sinh trực tuyến.

b) Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ quy trình tuyển sinh trực tuyến; thông tin tuyển sinh được công khai trên nhiều nền tảng giúp phụ huynh dễ dàng tiếp cận và thực hiện đăng ký cho trẻ.

c) Điểm yếu

Một số phụ huynh còn hạn chế kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nên đôi khi cần được hỗ trợ trong quá trình đăng ký tuyển sinh trực tuyến.

d) Kế hoạch cải tiến

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng tuyển sinh trực tuyến; tăng cường hướng dẫn phụ huynh sử dụng các nền tảng số và thực hiện đăng ký tuyển sinh trực tuyến thuận lợi, hiệu quả.

đ) Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Tiêu chí 3.2. Dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường triển khai kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục thông qua trang thông tin điện tử của trường nhằm cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [3.6]. Nhà trường duy trì fanpage để đăng tải các thông báo, hoạt động giáo dục và các nội dung tuyên truyền đến phụ huynh học sinh [3.7]. Bên cạnh đó, các lớp học đều sử dụng nhóm Zalo để thông báo tình hình học tập, sinh hoạt của trẻ, tiếp nhận phản hồi của phụ huynh, hỗ trợ việc xin nghỉ học và tăng cường phối hợp giữa gia đình với nhà trường. Nhà trường đã triển khai đầy đủ các chức năng kết nối theo yêu cầu của tiêu chí [3.8]. Một số phụ huynh tham gia tương tác trên các nền tảng trực tuyến chưa thường xuyên, làm ảnh hưởng đến việc tiếp nhận thông tin kịp thời.

b) Điểm mạnh

Các kênh thông tin được duy trì thường xuyên, giúp phụ huynh và giáo viên trao đổi thông tin nhanh chóng, thuận tiện và hiệu quả.

c) Điểm yếu

Một số phụ huynh tham gia tương tác trên các nền tảng trực tuyến chưa thường xuyên, làm ảnh hưởng đến việc tiếp nhận thông tin kịp thời.

d) Kế hoạch cải tiến

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phối hợp với phụ huynh; tăng cường tương tác hai chiều giữa giáo viên và phụ huynh nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

đ) Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Tiêu chí 3.3. Dịch vụ thu phí giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường thực hiện thu các khoản phí giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục. Nhà trường đã ký kết hợp đồng với ngân hàng để triển khai các hình thức thanh toán điện tử cho phụ huynh [3.9]. Đồng thời, nhà trường xây dựng kế hoạch thanh toán không dùng tiền mặt để tổ chức thực hiện, tuyên truyền và hướng dẫn phụ huynh tham gia thanh toán điện tử theo quy định. Việc triển khai thanh toán không dùng tiền mặt được thực hiện đúng theo yêu cầu của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên[3.10]. Một số phụ huynh vẫn còn thói quen thanh toán bằng tiền mặt nên tỷ lệ thanh toán điện tử chưa đạt tuyệt đối.

b) Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt đồng bộ, tạo thuận lợi cho phụ huynh và nâng cao hiệu quả quản lý tài chính.

c) Điểm yếu

Một số phụ huynh vẫn còn thói quen thanh toán bằng tiền mặt nên tỷ lệ thanh toán điện tử chưa đạt tuyệt đối.

d) Kế hoạch cải tiến

Tiếp tục phối hợp với ngân hàng để nâng cao hiệu quả thanh toán điện tử; tăng tỷ lệ phụ huynh sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt trong các năm học tiếp theo.

đ) Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Kết luận về nhóm tiêu chí 3: Triển khai dịch vụ trực tuyến

Điểm mạnh

Nhà trường triển khai đầy đủ các dịch vụ trực tuyến theo yêu cầu của ngành giáo dục. Công tác tuyển sinh đầu cấp được thực hiện trực tuyến, tạo thuận lợi cho phụ huynh. Các nền tảng số được sử dụng hiệu quả trong việc kết nối giữa gia đình và nhà trường, bảo đảm thông tin được trao đổi kịp thời. Hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt được triển khai thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính. Đội ngũ cán bộ, giáo viên có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin tốt, tích cực hỗ trợ phụ huynh trong quá trình sử dụng các dịch vụ trực tuyến.

Điểm yếu

Một số phụ huynh còn hạn chế về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc điều kiện tiếp cận thiết bị thông minh nên việc sử dụng các dịch vụ trực tuyến chưa thật sự đồng đều. Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt chưa đạt tuyệt đối.

*** Đánh giá Nhóm Tiêu chí 3:** Đạt mức độ 3.

4. Nhóm tiêu chí 4: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

Mở đầu

Nguồn nhân lực là yếu tố then chốt quyết định hiệu quả triển khai chuyển đổi số trong nhà trường. Nhóm tiêu chí này tập trung đánh giá công tác xây dựng, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; mức độ tham gia, năng lực ứng dụng công nghệ số của đội ngũ; việc tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, hỗ trợ chuyên môn và khuyến khích đổi mới sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ. Kết quả đánh giá là cơ sở để nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ, nâng cao năng lực số và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số một cách hiệu quả, bền vững.

Tiêu chí 4.1. Tỷ lệ giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường thực hiện báo cáo định kỳ về công tác công nghệ thông tin và chuyển đổi số; thường xuyên rà soát, đánh giá kết quả thực hiện để điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, lưu trữ hồ sơ và trao đổi thông tin được triển khai hiệu quả. 15/15 giáo viên khai thác và sử dụng tốt các phần mềm, công cụ, đồ dùng dạy học nhằm đổi mới phương pháp dạy học theo các văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý, các khóa tập huấn hằng năm của sở giáo dục; ứng dụng CNTT tổ chức tốt các hoạt động NDCSGD trẻ [4.1]

Năm học 2025 - 2026, nhà trường có thực hiện Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ƯDCNTT, CĐS và thống kê giáo dục năm học 2025 – 2026 [1.2]. Đa số giáo viên có chứng chỉ ƯDCNTT, soạn giảng 15/15 giáo viên; Tỷ lệ: 100 %. Cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chăm sóc và giáo dục trẻ theo kế hoạch đã đề ra [4.2]. Một số giáo viên còn hạn chế trong việc khai thác các phần mềm và nền tảng số mới.

b) Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và triển khai đầy đủ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục hằng năm. 100% cán bộ quản lý, giáo viên tham gia ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

c) Điểm yếu

Một số giáo viên còn hạn chế trong việc khai thác các phần mềm và nền tảng số mới.

d) Kế hoạch cải tiến

Tăng cường đầu tư, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý và giảng dạy.

Tiếp tục tăng cường công tác bồi dưỡng năng lực chuyên môn trong chuyển đổi số cho tất cả giáo viên trong nhà trường bằng các hình thức: sinh hoạt chuyên đề, tăng

cường sinh hoạt tổ chuyên môn thông qua các phần mềm Zoom; Meet... và các lớp tập huấn của Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

đ) Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Tiêu chí 4.2. Tỷ lệ giáo viên hằng năm được tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả bồi dưỡng cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận) nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số.

a) Mô tả hiện trạng

Cán bộ quản lý, giáo viên tích cực tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn. 15/15 giáo viên (100%) được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, dự chuyên đề để nâng cao năng lực CĐS. Nhà trường từng bước nâng cao chất lượng chuyển đổi số, góp phần đổi mới công tác quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục[4.3]. Việc tự học, tự bồi dưỡng trên các nền tảng số của một số giáo viên chưa thường xuyên và chưa đồng đều.

b) Điểm mạnh

Tại thời điểm đánh giá, 100% giáo viên trong nhà trường có tài khoản trực tuyến trên hệ thống BDTX, phần mềm lập KHGD Edubot, ... đảm bảo khai thác tốt các phần mềm hỗ trợ giảng dạy, học tập.

c) Điểm yếu

Việc tự học, tự bồi dưỡng trên các nền tảng số của một số giáo viên chưa thường xuyên và chưa đồng đều.

d) Kế hoạch cải tiến

Phân công các giáo viên nòng cốt giỏi CNTT hỗ trợ, tập huấn thêm công nghệ thông tin cho các thành viên tổ; giáo viên có kinh nghiệm, chuyên môn tốt bồi dưỡng giúp đỡ những giáo viên mới vào nghề, năng lực còn hạn chế.

đ) Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Kết luận nhóm tiêu chí 4: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và triển khai đầy đủ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục hằng năm. 100% cán bộ quản lý, giáo viên tham gia ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Điểm yếu

Một số giáo viên còn hạn chế trong việc khai thác các phần mềm và nền tảng số mới. Việc tự học, tự bồi dưỡng trên các nền tảng số của một số giáo viên chưa thường xuyên và chưa đồng đều.

*** Đánh giá Nhóm Tiêu chí 4:** Đạt mức độ 3

5. Nhóm tiêu chí 5: Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu

Hạ tầng công nghệ thông tin và các thiết bị số là nền tảng quan trọng bảo đảm cho việc triển khai hiệu quả các hoạt động chuyển đổi số trong nhà trường. Tiêu chí này tập trung đánh giá mức độ đáp ứng của cơ sở hạ tầng số, hệ thống kết nối mạng, trang thiết bị công nghệ thông tin và các giải pháp công nghệ phục vụ công tác quản lý, điều

hành nhà trường; hỗ trợ giáo viên trong tổ chức các hoạt động giáo dục; tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ; đồng thời bảo đảm điều kiện cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong giáo dục mầm non.

Tiêu chí 5.1. Tỷ lệ phòng học có thiết bị (như: thiết bị trình chiếu, tivi, máy tính, thiết bị nghe, nhìn, thiết bị phụ trợ khác) hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet (trong trường hợp thiết bị có cổng kết nối Internet)

a) Mô tả hiện trạng

100% phòng học được trang bị thiết bị hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, các phòng học của nhà trường có thiết bị phụ trợ sử dụng dạy học và kết nối Internet [5.1]. Nhà trường chưa có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng.

b) Điểm mạnh

Hệ thống cơ sở vật chất của nhà trường tương đối đầy đủ. Hệ thống Internet, camera được lắp đặt 100% trong khu vực nhà trường quản lý, phục vụ tốt cho công tác quản trị nhà trường.

c) Điểm yếu

Nhà trường chưa có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng.

d) Kế hoạch cải tiến

Nhà trường ưu tiên dành các nguồn lực để đầu tư cho cơ sở vật chất, cải tạo hệ thống CNTT phục vụ cho công tác dạy và học. Trang bị phần mềm an toàn thông tin mạng để đảm bảo an toàn các dữ liệu của nhà trường trong việc lưu trữ hồ sơ.

đ) Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Tiêu chí 5.2. Máy tính kết nối Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non

a) Mô tả hiện trạng

Trường có máy tính kết nối Internet phụ phục vụ công tác văn phòng và các tổ chuyên môn. Có 5/5 lớp học có đủ thiết bị (tivi, máy tính, thiết bị phụ trợ khác) [5.2]. Thiết bị được kết nối iternet 5/5 lớp, đạt 100%. Hệ thống Internet được duy trì ổn định, đáp ứng nhu cầu quản trị, trao đổi thông tin và ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động giáo dục. [5.3]. Một số thiết bị đã sử dụng trong thời gian dài nên hiệu suất hoạt động chưa cao; số lượng thiết bị hiện đại còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các hoạt động.

b) Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đầu tư các thiết bị công nghệ phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; hệ thống Internet được duy trì ổn định, đáp ứng nhu cầu quản lý và chuyên môn.

c) Điểm yếu

Một số thiết bị đã sử dụng trong thời gian dài nên hiệu suất hoạt động chưa cao; số lượng thiết bị hiện đại còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các hoạt động.

d) Kế hoạch cải tiến

Tiếp tục rà soát, bổ sung và nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị dạy học có kết nối Internet; bảo trì định kỳ hệ thống mạng nhằm bảo đảm hoạt động ổn định.

đ) Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Kết luận nhóm tiêu chí 5: Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Điểm mạnh

Các thiết bị công nghệ thông tin được khai thác hiệu quả trong công tác quản trị nhà trường, lưu trữ hồ sơ, trao đổi thông tin và tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ. Các phòng học được trang bị thiết bị hỗ trợ dạy học như tivi, máy tính, loa và các thiết bị nghe nhìn khác, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Điểm yếu

Nhà trường chưa có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng. Hiệu suất hoạt động các thiết bị chưa cao; số lượng thiết bị hiện đại còn hạn chế.

*** Đánh giá nhóm Tiêu chí 5:** Đạt mức độ 3

Phần III
KẾT LUẬN CHUNG

Năm học 2025 - 2026, nhà trường thực hiện báo cáo tự đánh giá chuyển đổi số theo Quyết định số 3276/QĐ-BGD ĐT ngày 30/10/2024 và các văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND xã Tầm Vu, Phòng Văn hóa -Xã hội xã Tầm Vu. Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch, quy chế, tổ chức tuyên truyền, quán triệt triển khai thực hiện đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường và đã đạt kết quả bước đầu như sau:

+ Mức độ 1: 00 tiêu chí.
+ Mức độ 2: 00 tiêu chí.
+ Mức độ 3: 05 tiêu chí.
+ Tổng cộng điểm tự đánh giá: 92 điểm
+ Tiêu chí đánh giá đạt: 5 tiêu chí (100 %).

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức độ 3.
- Cơ sở giáo dục đề nghị đạt mức độ chuyển đổi số: Mức độ 3.

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D XÃ TẦM VU TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG MẪU GIÁO HIỆP THẠNH

Trần Thị Kim Do

Phần IV
PHỤ LỤC

Nhóm tiêu chí	Tiêu chí	Tên minh chứng	Mã MC	Mã dẫn
Nhóm tiêu chí ***Tiêu chí***	Tiêu chí 1.	Kế hoạch năm học 2025-2026	1.1	
		Kế hoạch CNTT-CĐS	1.2	
		Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chuyển đổi số	1.3	
		Báo cáo kết quả UDCNTT, chuyển đổi số, thống kê trong giáo dục	1.4	
	Tiêu chí 2.	Dữ liệu thông tin trẻ trên phần mềm	2.1	
		Thông tin sức khỏe trẻ trên phần mềm	2.2	
		Thông tin cán bộ giáo viên nhân viên trên phần mềm	2.3	
		Quyết định phân công cán bộ giáo viên nhân viên	2.4	
		Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên	2.5	
		Quản lý thông tin y tế trường học	2.6	
		Phần mềm phổ cập giáo dục	2.7	
		Phần mềm quản lý tài chính tài sản	2.8	
		Hóa đơn phần mềm quản lý tài chính tài sản	2.9	
		Nộp báo cáo tài chính	2.10	
		Quản lý văn bản điện tử	2.11	
		Kế hoạch giáo dục tuần	2.12	
		Hình ảnh công khai thực đơn	2.13	
		Phầm mềm Nutrikisds	2.14	
		Thực đơn tuần	2.15	
		Kết quả thiết lập dưỡng chất	2.16	
		Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ	2.17	
		Triển khai thực hiện tổ chức hoạt động giáo dục trên phần mềm	2.18	
		Biên bản họp ban đại diện phụ hynh học sinh	2.19	

		Kế hoạch công tác ban đại diện	2.20	
		Quy chế phối hợp giữa gia đình, nhà trường và chính quyền địa phương.	2.21	
		Công tác thu hút sụ tham gia của cha mẹ trẻ và hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ	2.22	
		Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ	2.23	
		Công tác tyên tryền kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ	2.24	
		Kế hoạch thực hiện công tác tuyên truyền	2.25	
		Phần mềm cơ sở dữ liệu ngành	2.26	
		Đồng bộ mã định danh	2.27	
		Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ	2.28	
	Tiêu chí 3.	Kế hoạch tuyển sinh của trường mẫu giáo Hiệp Thạnh	3.1	
		Thông báo tuyển sinh của trường Mẫu giáo Hiệp Thạnh	3.2	
		Đường link thông báo tuyển sinh trên trang web trường	3.3	
		Đường link thông báo tuyển sinh trên fanpage trường	3.4	
		Đăng ký tuyển sinh, cung cấp thông tin trẻ và các hồ sơ cần thiết thông qua các nền tảng trực tuyến	3.5	
		Triển khai kết nối giữa nhà trường và gia đình thông qua trang web Trường Mẫu giáo Hiệp Thạnh	3.6	
		Triển khai kết nối giữa nhà trường và gia đình thông qua Fanpage Trường Mẫu giáo Hiệp Thạnh-Tầm Vu-Tây Ninh	3.7	
		Hình ảnh nhóm Zalo của các lớp	3.8	
		Hợp đồng ký kết giữa trường với ngân hàng thực hiện thu tiền	3.9	

		không dùng tiền mặt.		
		Kế hoạch thanh toán không dùng tiền mặt.	3.10	
	Tiêu chí 4.	Báo cáo công tác CNTT-CĐS	4.1	
		Hình ảnh chứng chỉ UDCNTT	4.2	
		Giấy chứng nhận tập huấn CĐS	4.3	
	Tiêu chí 5.	Hình ảnh thiết bị dạy học	5.1	
		Hình ảnh máy tính trong văn phòng	5.2	
		Hoá đơn thanh toán internet	5.3	